

THÔNG BÁO
Về cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
đến ngày 09/4/2022

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về việc hướng dẫn tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Qua xem xét Báo cáo số 276/BC-KSBT ngày 09/4/2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc đánh giá phân loại cấp độ dịch, Sở Y tế tỉnh Đồng Nai thông báo về cấp độ dịch theo quy mô các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 09/4/2022, cụ thể như sau:

STT	Quy mô đánh giá	Phân loại cấp độ dịch
1	Cấp tỉnh: Tỉnh Đồng Nai	- Cấp 1 (Bình thường mới)
2	Cấp huyện: 11 huyện, thành phố	- Cấp 1: 11 huyện, thành phố - Cấp 2: Không ghi nhận - Cấp 3: Không ghi nhận - Cấp 4: Không ghi nhận
3	Cấp xã: 170 xã, phường, thị trấn	- Cấp 1: 159 xã, phường, thị trấn - Cấp 2: 11 xã, phường, thị trấn - Cấp 3: Không ghi nhận - Cấp 4: Không ghi nhận

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trân trọng thông báo./. *tr*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- BGĐ SYT;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- UBND các huyện, TP;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục: BẢNG PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NGÀY 09/4/2022

(Đính kèm Thông báo số 2333/TB-SYT ngày 12/4/2022 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
I. THÀNH PHỐ BIÊN HÒA		x			
1	An Bình	x			
2	An Hoà	x			
3	Bình Đa	x			
4	Bửu Hòa	x			
5	Bửu Long	x			
6	Hiệp Hòa	x			
7	Hố Nai	x			
8	Hóa An	x			
9	Hòa Bình		x		
10	Long Bình	x			
11	Long Bình Tân	x			
12	Long Hưng	x			
13	Phước Tân	x			
14	Quang Vinh	x			
15	Quyết Thắng	x			
16	Tam Hiệp	x			
17	Tam Hoà	x			
18	Tam Phước	x			
19	Tân Biên	x			
20	Tân Hạnh	x			
21	Tân Hiệp	x			
22	Tân Hòa	x			
23	Tân Mai	x			
24	Tân Phong	x			
25	Tân Tiến	x			
26	Tân Vạn	x			
27	Thanh Bình	x			
28	Thống Nhất	x			
29	Trảng Dài	x			
30	Trung Dũng	x			
II. HUYỆN TRẢNG BOM		x			
1	An Viễn	x			
2	Bàu Hàm	x			
3	Bình Minh	x			
4	Bắc Sơn	x			
5	Cây Gáo	x			
6	Giang Điền	x			



STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
7	Hưng Thịnh	x			
8	Hố Nai 3	x			
9	Quảng Tiến	x			
10	Sông Thao	x			
11	Sông Trầu	x			
12	Thanh Bình	x			
13	TT Trảng Bom	x			
14	Trung Hòa	x			
15	Tây Hòa	x			
16	Đông Hòa	x			
17	Đội 61	x			
III. HUYỆN VĨNH CỬU		x			
1	Bình Hòa	x			
2	Bình Lợi	x			
3	Tân An	x			
4	Trị An	x			
5	Vĩnh Tân	x			
6	TT Vĩnh An	x			
7	Mã Đà	x			
8	Hiếu Liêm		x		
9	Phú Lý		x		
10	Tân Bình	x			
11	Thạnh Phú	x			
12	Thiện Tân	x			
IV. THÀNH PHỐ LONG KHÁNH		x			
1	Xuân Trung		x		
2	Xuân An	x			
3	Xuân Thanh	x			
4	Xuân Hòa	x			
5	Xuân Bình	x			
6	Phú Bình	x			
7	Bàu Trâm	x			
8	Xuân Tân	x			
9	Hàng Gòn	x			
10	Bàu Sen	x			
11	Suối Tre	x			
12	Xuân Lập	x			
13	Bình Lộc	x			
14	Bảo Vinh	x			
15	Bảo Quang	x			
V. HUYỆN XUÂN LỘC		x			

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
1	Xuân Hòa	x			
2	Xuân Hưng	x			
3	Xuân Tâm	x			
4	TT Gia Ray	x			
5	Xuân Trường	x			
6	Xuân Thành	x			
7	Suối Cao	x			
8	Xuân Hiệp	x			
9	Suối Cát	x			
10	Xuân Bắc	x			
11	Xuân Thọ	x			
12	Xuân Phú	x			
13	Bảo Hòa	x			
14	Xuân Định	x			
15	Lang Minh		x		
VI. HUYỆN CẨM MỸ		x			
1	TT Long Giao		x		
2	Bảo Bình	x			
3	Lâm Sơn	x			
4	Nhân Nghĩa	x			
5	Sông Nhạn	x			
6	Sông Ray	x			
7	Thừa Đức	x			
8	Xuân Bảo	x			
9	Xuân Đông	x			
10	Xuân Đường	x			
11	Xuân Mỹ	x			
12	Xuân Quế	x			
13	Xuân Tây	x			
VII. HUYỆN LONG THÀNH		x			
1	An Phước	x			
2	Tam An	x			
3	Long Đức		x		
4	TT Long Thành	x			
5	Lộc An	x			
6	Bình Sơn	x			
7	Bình An	x			
8	Cẩm Đường	x			
9	Long An	x			
10	Long Phước	x			
11	Bàu Cạn	x			
12	Tân Hiệp	x			

H.C.N
SỞ
TÊN
DỒNG

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
13	Phước Thái	x			
14	Phước Bình	x			
VIII. HUYỆN NHƠN TRẠCH		x			
1	TT Hiệp Phước	x			
2	Phước Thiện	x			
3	Phú Hội	x			
4	Long Tân		x		
5	Phú Thạnh		x		
6	Đại Phước	x			
7	Phú Hữu	x			
8	Phú Đông	x			
9	Vĩnh Thanh	x			
10	Phước Khánh	x			
11	Phước An	x			
12	Long Thọ	x			
IX. HUYỆN TÂN PHÚ		x			
1	TT Tân Phú	x			
2	Phú Thanh	x			
3	Phú Xuân	x			
4	Phú Lâm	x			
5	Thanh Sơn	x			
6	Phú Bình		x		
7	Phú Trung	x			
8	Phú Sơn	x			
9	Phú Điền	x			
10	Trà Cổ	x			
11	Phú Lộc	x			
12	Phú Thịnh	x			
13	Phú Lập	x			
14	Tà Lài	x			
15	Núi Tượng	x			
16	Nam Cát Tiên	x			
17	Phú An	x			
18	Đắc Lua	x			
X. HUYỆN ĐỊNH QUÁN		x			
1	Phú Hòa	x			
2	Phú Tân		x		
3	Phú Lợi	x			
4	Phú Vinh	x			
5	Gia Canh	x			
6	TT Định Quán	x			

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
7	Ngọc Định	x			
8	Thanh Sơn	x			
9	Phú Ngọc	x			
10	La Ngà	x			
11	Phú Túc	x			
12	Túc Trung	x			
13	Phú Cường	x			
14	Suối Nho	x			
XI. HUYỆN THỐNG NHẤT		x			
1	Gia Tân 1	x			
2	Gia Tân 2	x			
3	Gia Tân 3	x			
4	Gia Kiệm	x			
5	Quang Trung	x			
6	Bàu Hàm 2	x			
7	Hưng Lộc	x			
8	Lộ 25	x			
9	TT Dầu Giây	x			
10	Xuân Thiện	x			

1 NAM

